

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/DS-PT.

Ngày : 23-5-2019

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền

Bà Trần Thị Hà

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị T1 Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2019/TLPT- DS ngày 12 tháng 02 năm 2019.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Lục Nam bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2019/QĐ-PT ngày 12/4/2019, giữa:

* Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị T:

Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Ông Đàm Đức V, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Đại diện theo ủy quyền của ông Đàm Đức V:

- Anh Đàm Đức V1, sinh năm 1992 (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Vũ Thị Ánh T2, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn C2, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Vũ Thị N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Vũ Thị D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Vũ Thị T3, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Người đại diện theo ủy quyền của chị T2, chị N, chị D, chị T3:

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Nguyễn Thị T1 (Tên khác: Nguyễn Thị O), sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1:

- Anh Đàm Đức V1, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đàm Đức V:

- Luật sư Hoàng Thị N1, Văn phòng luật sư A, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A25/109, TC, TX, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18/10/2017, các lời khai nguyên đơn bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Văn S là người đại diện cho bà T và cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T2, chị N, chị D và chị T3 trình bày: Ông Vũ Trí H, sinh năm 1962, địa chỉ Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang là chồng của bà Hoàng Thị T đã chết ngày 17/3/2016 nhưng không để lại di chúc. Vợ chồng bà T, ông H sinh được bốn người con là Vũ Thị Ánh T2, sinh năm 1982; Vũ Thị N, sinh năm 1984; Vũ Thị D, sinh năm 1987 và Vũ Thị T3, sinh năm 1990.

Khi còn sống, ông Vũ Trí H có cho ông Đàm Đức V vay làm nhiều lần với nhiều số tiền khác nhau. Mỗi lần vay, các bên đều làm văn bản giấy tờ, ông V có ký vào mục người nhận tiền vay. Sau khi ông H chết, bà T và các con có dọn dẹp đồ đạc trong gia đình và phát hiện thấy ông H còn các giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận lãi suất cho ông V vay đến nay chưa thanh toán trả. Cụ thể:

- Giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận lãi suất ghi ngày 10/5/2010 (tức ngày 27/3/2010 âm lịch) ông H có cho ông V vay số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); lãi suất là 2,5%/tháng; thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 10/5/2010 đến ngày 10/11/2010.

- Giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận lãi suất ghi ngày 16/9/2012 (tức ngày 01/8/2012 âm lịch) nhưng thực chất bên dưới phần người nhận tiền vay có ghi ngày

20/9/2012, ông H có cho ông V vay số tiền là 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng); lãi suất là 2,5%/tháng; thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 20/9/2012 đến ngày 20/10/2012.

- Giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận lãi suất ghi ngày 29/6/2013 (tức ngày 22/5/2013 âm lịch) ông H có cho ông V vay số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng); lãi suất là 2,5%/tháng; thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 29/6/2013 đến ngày 29/9/2013.

Sau khi kiểm tra các tài liệu và thông tin về việc vay mượn trên, nay để đảm bảo quyền lợi của bà và các con, bà T làm đơn khởi kiện ông Đàm Đức V ra Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang để giải quyết, buộc ông Đàm Đức V phải thanh toán trả lại cho bà và các con của ông bà là những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông H đối với số tiền gốc vay là 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng) theo Giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận lãi suất ghi ngày 20/9/2012. Về lãi suất vay bà không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

Còn đối với các Giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận lãi suất ghi ngày 10/5/2010 (tức ngày 27/3/2010 âm lịch) ông H có cho ông V vay số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và Giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận lãi suất ghi ngày 29/6/2013 (tức ngày 22/5/2013 âm lịch) ông H có cho ông V vay số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) bà không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này; khi nào cần thiết bà sẽ khởi kiện ra Tòa án để xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn S vẫn giữ nguyên các yêu cầu trên.

Bị đơn ông Đàm Đức V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 ủy quyền cho anh Đàm Đức V1 trình bày: Anh là con đẻ của ông Đàm Đức V và bà Nguyễn Thị T1 ở cùng địa chỉ. Toàn bộ nội dung vụ việc nguyên đơn khởi kiện bố mẹ anh là không đúng. Vì anh khẳng định bố anh là ông Đàm Đức V không vay nợ gì của ông H đối với số tiền trên nên không đồng ý trả theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bố anh không vay, không ký và anh thấy tờ giấy biên nhận vay trên là không có căn cứ. Việc nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án giấy biên nhận vay tiền ngày 16/9/2012 có chữ viết, chữ ký của ông Đàm Đức V tại mục người nhận tiền vay, đã nhận đủ tiền vay ba mươi ba triệu đồng chẵn, với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông V và bà T1 anh khẳng định không phải là chữ ký của ông Đàm Đức V.

Tại phiên tòa, anh Đàm Đức V1 vẫn giữ nguyên ý kiến và quan điểm nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà và ông Đàm Đức V ở cùng địa chỉ là vợ chồng. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng bà vẫn sống hòa thuận hạnh phúc, ở chung và làm kinh tế chung. Trong quá trình chung sống và làm kinh tế chung vợ chồng bà có vay tiền ở Ngân hàng Chính sách

xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ngân hàng đầu tư đều ở Chi nhánh huyện L làm nhiều lần. Cụ thể vào năm 2010, vợ chồng bà có vay Ngân hàng chính sách 30.000.000 đồng và năm 2014 vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số tiền là 50.000.000 đồng. Tháng 6 năm 2013, vợ chồng bà có vay của ông H số tiền 100.000.000 đồng để cho con trai đi nước ngoài. Khi vay các bên có viết giấy vay bằng tay và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà cho ông H. Việc vay mượn trên các bên đã thanh toán cho nhau xong vào năm 2014 không còn vướng mắc gì. Sau khi thanh toán xong các bên đã hủy bỏ giấy tờ vay mượn nêu trên nên các bên không còn lưu giữ. Ngoài lần vay trên, vợ chồng bà không vay của ông H lần nào khác. Nay quan điểm của bà là ông V không vay ông H nên ông V không đồng ý trả. Còn với bà không liên quan gì đến số tiền vay nêu trên.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T1 vẫn giữ nguyên ý kiến và quan điểm nêu trên.

Với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, Luật sư Hoàng Thị N1 trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có vi phạm một số thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ nên việc kết luận giám định không đảm bảo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để khắc phục và tiếp tục hoàn thiện việc thu thập chứng cứ.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 45/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã xử :

Căn cứ khoản 2 Điều 26, 227, 228, 266, 271, 272 và Điều 273 BLTTDS; Điều 256, 471, 474 BLDS 2005 và Điều 166, 357 BLDS 2015.

Xử:

1. Buộc ông Đàm Đức V phải trả bà Hoàng Thị T và các con của bà T là chị Vũ Thị Ánh T2, chị Vũ Thị N, chị Vũ Thị D, chị Vũ Thị T3 số tiền nợ gốc là 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng).

2. Về chi phí giám định: Căn cứ vào Điều 161, 162 BLTTDS 2015.

Buộc ông Đàm Đức V phải hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị T số tiền chi phí giám định là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Buộc ông Đàm Đức V phải chịu 9.000.000đ (chín triệu đồng) tiền chi phí giám định ông V đã nộp theo phiếu thu ngày 15/5/2018 của Trung tâm Tư vấn, Giám định dân sự thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Điều 6, 26 và Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án;

Buộc ông Đàm Đức V phải chịu 1.650.000đ (một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Hoàng Thị T 825.000 đồng tiền tạm ứng án phí do ông Nguyễn Văn S là người đại diện theo ủy quyền của bà T đã nộp theo biên lai số 0002802

ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 15/12/2018, ông Đàm Đức V là bị đơn nộp đơn kháng cáo được gửi qua đường bưu điện, dấu xác nhận gửi của bưu điện đề ngày 15/12/2018. Nội dung kháng cáo kháng cáo toàn bộ bản án vì quyết định của bản án không đúng quy định của pháp luật, không đảm bảo quyền lợi cho ông.

Ngày 28/12/2018, bà Nguyễn Thị T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo kháng cáo toàn bộ bản án vì quyết định của bản án không đúng quy định của pháp luật, không đảm bảo quyền lợi cho bà.

Ngày 16/5/2019, bà Nguyễn Thị T1 có nộp 01 đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 10/12/2018 của ông Đàm Đức V thông qua người đại diện theo ủy quyền Đàm Đức V1 nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 45/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 với các lý do: Ông V không vay, không nợ cũng như không kí vào các giấy tờ vay mượn mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án (03 giấy vay tiền) trong đó bao gồm cả giấy vay tiền thỏa thuận lãi xuất ngày 16/9/2012 với số tiền 33 triệu đồng. được khẳng định bởi: Các giấy tờ vay nợ mà nguyên đơn xuất trình không rõ nguồn gốc và có sự mâu thuẫn nhau về ngày tháng, cách tính lãi; Bản kết luận giám định số 10/2018/TTTVGĐS ngày 21/5/2018 do Tòa án nhân dân huyện Lục Nam trưng cầu giám định đã kết luận chữ viết, chữ kí ghi tên Đàm Đức V trong giấy vay 16/9/2012 giữa ông Đàm Đức V và ông Vũ Trí H so với các mẫu chữ kí của ông V được Tòa án thu thập hợp lệ khẳng định không phải do cùng một người kí và viết ra. Như vậy khẳng định chữ kí và chữ viết ghi tên Đàm Đức V trong giấy vay tiền ngày 16/9/2018 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa không phải là chữ kí, chữ viết của ông Đàm Đức V. Tòa sơ thẩm có nhiều sai sót về việc tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như ông Nguyễn Văn S không được ủy quyền tham gia giải quyết vụ án này, việc thu thập tài liệu và sử dụng tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không thu thập theo quy định, việc xem xét đánh giá tính đúng đắn của các bản giám định là chưa đúng; 01 đơn đề nghị triệu tập giám định viên tham gia phiên tòa đề ngày 02/5/2019 có kí tên Đàm Đức V1 nội dung yêu cầu các giám định viên Nguyễn Thị Ngọc L, Phạm Hồng N2 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an và Giám định viên Cao Minh T4 và Hoàng Mạnh H của Trung tâm tư vấn, giám định dân sự đến phiên tòa xét xử để giải thích, làm sáng tỏ nội dung kết luận giám định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hoàng Thị T là nguyên đơn do ông Nguyễn Văn S là đại diện theo ủy quyền không rút đơn khởi kiện, ông Đàm Đức V, bà Nguyễn Thị T1 không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Ông Đàm Đức V do anh Đàm Đức V1, bà Nguyễn Thị T1 đại diện trình bày: Giữ nguyên quan điểm.

Bà Nguyễn Thị T1 do anh Đàm Đức V1 đại diện trình bày: Giữ nguyên quan điểm.

Ông Nguyễn Văn S trình bày: Giữ nguyên quan điểm.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông V, bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đàm Đức V là Luật sư Hoàng Thị N1, Văn phòng luật sư A, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa đưa ra lý do chưa kịp tiếp cận và nghiên cứu hồ sơ ở giai đoạn phúc thẩm, và do trùng lịch công tác tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh vào sáng ngày 23/5/2019. Hội đồng xét xử thấy Luật sư Hoàng Thị N1 tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đàm Đức V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 từ cấp sơ thẩm, tại phiên tòa cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết chứng cứ gì mới và bản thân luật sư cũng đã được nghiên cứu tiếp cận hồ sơ trước ngày phiên tòa phúc thẩm được mở, mặt khác đây là phiên tòa mở lần thứ hai, Tòa đã triệu tập hợp lệ Luật sư Hoàng Thị N1, lý do trùng lịch công tác tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh vào sáng ngày 23/5/2019 của luật sư không có căn cứ vì luật sư không xuất trình hoặc có căn cứ gì cho sự việc này. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền anh Đàm Đức V1 tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị triệu tập các giám định viên Nguyễn Thị Ngọc L, Phạm Hồng N2 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an và giám định viên Cao Minh T4 và Hoàng Mạnh H của Trung tâm tư vấn, giám định dân sự đến phiên tòa xét xử để giải thích, làm sáng tỏ nội dung kết luận giám định. Hội đồng xét xử thấy các giám định đã rõ ràng, không cần thiết phải triệu tập các giám định viên, nên không chấp nhận yêu cầu này của anh Đàm Đức V1.

[2]. Xét đơn kháng cáo của ông Đàm Đức V và bà Nguyễn Thị T1 thì thấy:

Theo lời khai của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ông Vũ Trí H, sinh năm 1962 địa chỉ Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang là chồng của bà Hoàng Thị T chết ngày 17/3/2016, không để lại di chúc. Khi còn sống, ông Vũ Trí H có cho ông Đàm Đức V vay làm nhiều lần với nhiều số tiền khác nhau. Mỗi lần vay, các bên đều làm văn bản giấy tờ, ông V có ký vào

mục người nhận tiền vay. Sau khi ông H chết, bà T và các con có dọn dẹp đồ đạc trong gia đình phát hiện thấy ông H còn các giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận lãi suất cho ông V vay đến nay chưa thanh toán trả, trong đó có Giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận lãi suất ghi ngày 16/9/2012 (tức ngày 01/8/2012 âm lịch), bên dưới phần người nhận tiền vay có ghi ngày 20/9/2012, ông H có cho ông V vay số tiền là 33.000.000 đ (ba mươi ba triệu đồng); lãi suất vay là 2,5%/tháng; thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 20/9/2012 đến ngày 20/10/2012. Để đảm bảo quyền lợi của bà và các con, bà T làm đơn khởi kiện ông Đàm Đức V ra Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang để giải quyết, buộc ông Đàm Đức V phải thanh toán trả lại cho bà và các con của ông bà là những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông H số tiền gốc vay là 33.000.000 đ (ba mươi ba triệu đồng) theo Giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận lãi suất ghi ngày 20/9/2012. Về lãi suất vay bà không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết.

Ý kiến của ông Đàm Đức V, bà Nguyễn Thị T1 và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn ông V, bà T1 là anh Đàm Đức V1 không thừa nhận việc vay mượn trên nên bị đơn không đồng ý thanh toán trả số tiền 33.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào lời khai của các đương sự và biên bản đối chất giữa các bên, đặc biệt là căn cứ vào bản Kết luận giám định số 1067/KL-PC54 ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và bản Kết luận giám định số 197/C09-P5 ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Viện Khoa học Kỹ thuật hình sự Bộ Công an đều kết luận: Chữ ký “ĐV” và các chữ “Đàm Đức V” dưới mục “ký (ghi rõ họ và tên)” trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đàm Đức V trên các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra. Như vậy, chữ viết, chữ ký của ông Đàm Đức V tại mục người nhận tiền vay, đã nhận đủ tiền vay ba mươi ba triệu đồng chẵn tại giấy biên nhận vay tiền ngày 16/9/2012 so với các mẫu chữ ký, chữ viết gửi đi giám định là do cùng một người viết ra nên có đủ cơ sở khẳng định việc ông Vũ Trí H có cho ông Đàm Đức V vay số tiền 33.000.000 đồng là có thật.

Việc ông Đàm Đức V và người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng bị đơn không vay, không nợ và có yêu cầu Tòa án trung cầu giám định tại Trung tâm Tư vấn, Giám định dân sự thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Tại Bản giám định số 10/2018/TTTVGĐDS ngày 21/5/2018 của Trung tâm có kết luận: Chữ viết, chữ ký ghi tên ông Đàm Đức V trong “Giấy vay tiền thỏa thuận lãi xuất” (MGĐ) đề ngày 16/9/2012 giữa ông Đàm Đức V với ông Vũ Trí H, so với chữ viết, chữ ký của ông Đàm Đức V trong 16 tài liệu gửi làm mẫu so sánh (loại trừ MSS3 và MSS4) không phải do cùng một người viết và ký ra, cũng như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đưa ra là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử xét xử cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Đàm Đức V phải trả bà Hoàng Thị T và các con của

bà T là chị Vũ Thị Ánh T2, chị Vũ Thị N, chị Vũ Thị D, chị Vũ Thị T3 số tiền nợ gốc là 33.000.000 đ (ba mươi ba triệu đồng) như ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị.

Việc ông V kháng cáo với lý do ông V không vay, không nợ cũng như không kí vào các giấy tờ vay mượn mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án (03 giấy vay tiền) trong đó bao gồm cả giấy vay tiền thỏa thuận lãi xuất ngày 16/9/2012 với số tiền 33 triệu đồng. được khẳng định bởi: các giấy tờ vay nợ mà nguyên đơn xuất trình không rõ nguồn gốc và có sự mâu thuẫn nhau về ngày tháng, cách tính lãi; Bản kết luận giám định số 10/2018/TTTVGĐS ngày 21/5/2018 do Tòa án nhân dân huyện Lục Nam trưng cầu giám định đã kết luận chữ viết, chữ kí ghi tên Đàm Đức V trong giấy vay 16/9/2012 giữa ông Đàm Đức V và ông Vũ Trí H so với các mẫu chữ kí của ông V được Tòa án thu thập hợp lệ khẳng định không phải do cùng một người kí và viết ra. Như vậy khẳng định chữ kí và chữ viết ghi tên Đàm Đức V trong giấy vay tiền ngày 16/9/2018 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa không phải là chữ kí, chữ viết của ông Đàm Đức V. Tòa sơ thẩm có nhiều sai sót về việc tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như ông Nguyễn Văn S không được ủy quyền tham gia giải quyết vụ án này. Kháng cáo này của ông V là không có căn cứ vì các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Trong các bút lục 02, 03, 03a, 03b, 03c, 03d đều thể hiện chị Vũ Thị N, bà Hoàng Thị T, chị Vũ Thị Ánh T2, chị Vũ Thị T3, chị Vũ Thị D đều ủy quyền cho ông Nguyễn Văn S.

Đối với việc thu thập tài liệu và sử dụng tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nên việc kháng cáo của ông V về các nội dung trên là không có căn cứ, không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về lãi suất vay và lãi suất chậm trả: Tại đơn khởi kiện và các lời khai bà Hoàng Thị T và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Ánh T2, chị Vũ Thị N, chị Vũ Thị D và chị Vũ Thị T3 là ông Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về chi phí giám định: Căn cứ vào Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, theo đơn yêu cầu của các đương sự đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết, Tòa án có tạm thu của ông Đàm Đức V do anh Đàm Đức V1 nộp số tiền giám định là 9.000.000 đồng, sau khi tạm thu Tòa án đã nộp lại số tiền trên cho Trung tâm Tư vấn, Giám định dân sự thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam theo phiếu thu ngày 15/5/2018; Tòa án cũng đã tạm thu của bà Hoàng Thị T do ông Nguyễn Văn S giao nộp số tiền chi phí giám định là 5.000.000 đồng, sau khi tạm thu Tòa án đã nộp lại số tiền trên cho Viện khoa học hình sự Bộ Công an theo phiếu thu ngày 04/9/2018

theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu trên của bà T được Tòa án chấp nhận nên ông Đàm Đức V phải hoàn trả lại bà Tsố tiền chi phí giám định bà T đã tạm ứng là 5.000.000 đồng và phải chịu 9.000.000 đồng tiền chi phí giám định ông V đã nộp theo các phiếu thu nêu trên.

Do vậy, việc Tòa án sơ thẩm buộc ông Đàm Đức V phải trả bà Hoàng Thị T và các con của bà T là chị Vũ Thị Ánh T2, chị Vũ Thị N, chị Vũ Thị D, chị Vũ Thị T3 số tiền nợ gốc là 33.000.000 đ (ba mươi ba triệu đồng) là có căn cứ. Kháng cáo của ông V và bà T1 là không có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do ông Đàm Đức V và bà Nguyễn Thị T1 không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đàm Đức V và bà Nguyễn Thị T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, 227, 228, 266, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 166, 357 Bộ luật dân sự 2015.

Xử:

1. Buộc ông Đàm Đức V phải trả bà Hoàng Thị T và các con của bà T là chị Vũ Thị Ánh T2, chị Vũ Thị N, chị Vũ Thị D, chị Vũ Thị T3 số tiền nợ gốc là 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng).

2. Về chi phí giám định: Căn cứ vào Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Buộc ông Đàm Đức V phải hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị T số tiền chi phí giám định là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Buộc ông Đàm Đức V phải chịu 9.000.000đ (chín triệu đồng) tiền chi phí giám định ông V đã nộp theo phiếu thu ngày 15/5/2018 của Trung tâm Tư vấn, Giám định dân sự thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, 26 và Điều 27 Pháp lệnh lệ phí án phí tòa án;

Buộc ông Đàm Đức V phải chịu 1.650.000đ (một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đàm Đức V, bà Nguyễn Thị T1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Xác nhận ông Đàm Đức V đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0003675 ngày 28/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Xác nhận bà Nguyễn Thị T1 đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0003676 ngày 28/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Lục Nam;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã kí)

Bạch Đăng Thi

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bạch Đăng Thi